



VĂN HÓA
PHƯƠNG
ĐÔNG

Chùa Khmer ở
Trà Vinh
Ảnh:
ĐÀO VINH



Phong tục xuất gia CỦA NGƯỜI KHMER NAM BỘ

Người Khmer Nam bộ theo đạo Phật. Ở vùng đồng bào Khmer tập trung cư trú, hình ảnh những ngôi chùa ẩn mình trong các vòm cây râm mát, đường dừa nước xanh ngắt thấp thoáng bóng áo vàng khất thực tạo nên một cảm giác thân thương và ấm áp.

Chùa Khmer

Chùa Khmer là nơi diễn ra các lễ nghi tín ngưỡng của nhà Phật song còn là một không gian văn hóa, một môi trường thanh sạch, một thắng cảnh, một nơi sinh hoạt cộng đồng. Nhà chùa còn là trường học của cộng đồng.

Ngày xưa, cộng đồng Khmer không có trường, việc dạy chữ, dạy người đều do nhà chùa đảm nhiệm. Ở chùa, người đi tu được dưỡng tâm, dưỡng tính được học chữ, học các nghề truyền thống như điêu khắc, mộc, nề... Nhiều nhà sư trở thành các nghệ nhân điêu khắc, đặc biệt là điêu khắc các bức tượng có liên quan đến tôn giáo. Nhiều người hoàn tục

trở thành A-cha trong *phum, so-róc* cổ vấn cho cộng đồng khi tiến hành cưới hỏi, ma chay. Một điều hết sức quan trọng là người đã qua một thời gian tu hành trở về với đời thường họ như đã có một chứng chỉ rất đáng tin về nhân cách và học vấn. Họ được mọi người quý trọng và nhiều nhà giàu có rất mong có một chàng rể đã có nhiều năm tu hành ở chùa.

Trước đây và còn cả đến bây giờ, nhiều bé trai khoảng trên dưới 10 tuổi đã được gia đình gửi vào chùa để học và giúp việc các nhà sư. Một số bé cũngạo đầu giống như nhà sư nhưng chưa phải là người tu hành. Khi đưa con vào gửi cho nhà chùa, gia đình làm cơm dâng cho nhà sư. Giàu thì vài mâm, nghèo thì chỉ một mâm đủ để vị sư cả thọ thực trong một buổi. Câu nói thuộc lòng được một thành viên gia đình nói với các nhà sư là: *Sách chiêm po-ro cul pô-ras đê-chạ cun, chom-nec phô-nec so-bec chạ-ân tục oi kho-nhum pô-*

rê ca-ra-na (thịt, máu giao cho nhà sư, còn mắt, da, xương xin trả lại cho tôi). Câu nói này có nghĩa rằng xin giao cho nhà sư đứa trẻ (máu, thịt) này, nhưng cũng xin trả lại cho gia đình tội sự hiểu biết (mắt) và một cơ thể đầy đặn (da) và cứng cáp (xương). Theo phong tục chỉ những bé trai mới được cha mẹ gửi cho nhà chùa các bé gái thì không. Các nhà sư cũng vậy. Trong chùa Khmer không có sư nữ. Người Khmer giải thích rằng: Theo kinh nhà Phật thì từ thời đức Thích Ca mới đắc đạo thì *mô-đai min* (người mẹ kế) của đức Thích Ca đã xin ngài mấy lần mới được ngài đồng ý cho xuất gia bởi ngài đã nhìn thấy sự khổ hạnh của người đi tu không thích hợp với phụ nữ. Trước khi nhập Niết bàn đức Thích Ca có trời lại rằng việc đi tu của sư nữ mấy trăm năm sau sẽ không tồn tại nữa. Lời đức Thích Ca quả nhiên ứng nghiệm.

Ở chùa, đứa trẻ được học chữ Khmer và tiếng Pa-li với mẫu tự Săng-sơ-crit. Chữ Khmer và đặc biệt là tiếng Pa-li giúp đứa trẻ có thể nghe kinh và các bài thuyết pháp của các nhà sư trong chùa. Đứa trẻ cũng được đọc kinh và lễ bái Tam Bảo. Bộ kinh quan trọng nhất trong chùa là kinh Tam Tạng gồm: (1) *Po-rã-sôt* (kinh tạng);

(2) *Po-ră-ă-pj-thom* (luận tạng);
(3) *Po-rê vj-nây* (luật tạng).
Ngoài việc học hành, những
đứa trẻ này cũng được sai làm
các việc vặt vãnh trong chùa.

Ngày nay, cùng với nhà
trường trong hệ thống giáo dục
quốc dân, nhiều ngôi chùa mở
lớp dạy tiếng Khmer cho trẻ em
trong phum. Nhờ vậy mà tiếng
Khmer được giữ gìn và phát
triển.

Xuất gia

Đối với người đi tu có 2 ngày
quan trọng là ngày xuống tóc và
ngày xuất gia. Ngày xuống tóc
và ngày xuất gia cũng được A-
cha xem, chọn cho được ngày
lành mong sao cho người xuất
gia tu thành chính quả. Cách
tính này về cơ bản dựa vào năm
sinh của người xuất gia. Ví dụ:
Với tuổi Thìn ngày thứ Hai là
ngày *Som-rát-thi* (oai phong),
ngày thứ Ba là ngày *Cam-măng*
(rủi ro), ngày thứ Tư là ngày *Mô-
rô-năng* (chết), ngày thứ Năm là
ngày *Chây-dô* (chiến thắng),
ngày thứ Sáu là ngày *Sôc-khô*
lây trong tử *Sôc-san* (bình an),
ngày thứ Bảy là ngày *On-ta-rài-
dô* (tan nát), ngày Chủ nhật là
ngày *Liệp-phô* (may mắn). Tuổi
nào cũng có ngày ấy ngày tốt
ngày ấy ngày xấu nhưng so le
đi. Người tuổi Thìn thì nên xuống
tóc vào ngày thứ Năm và đi tu
vào ngày thứ Sáu. Người không
phải tuổi Thìn thì chọn ngày
khác. Nếu tính ngày xuống tóc
và xuất gia cho nhiều người một
lúc người ta phải chọn theo tuổi
của một người và thường là
người lớn tuổi nhất. Xin lưu ý:
Người Khmer không có năm
Mão (mèo), không có năm Sửu
(trâu) mà thay năm Mão bằng
năm Thỏ, năm Sửu thay bằng
năm Bò. Người Khmer gọi năm
Thỏ bằng cái tên *Thos*, năm Bò
bằng cái tên *Chho-lâu*.

Thủ tục xuống tóc được tiến
hành ở chùa. Từ phút này người
xuống tóc được gọi là *niêc* (quí
giá). Ngày hôm sau là ngày

chính thức tu hành còn gọi là
ngày *tho-ngay pôp-pa-chia*
(xuất gia) thì từ đó người đi tu
được gọi là *lôc soong* (nhà sư).

Tu hành

Trong thời gian tu hành, các
nhà sư được học kinh Phật, học
chữ và khát thực. Xin lưu ý rằng
với người tu hành, khát thực là
một nhiệm vụ quan trọng bởi lẽ
nếu nhà sư không khát thực thì
nhân gian đâu có điều kiện làm
phước được. Người khát thực
chính là người đánh thức lòng
nhân ái, từ bi cho mọi người
trong thế gian này. Chính vì thế,
thí chủ trước và sau khi bỏ một
chút đồ ăn như bánh trái, cơm,
cá kho vào bát tộ của nhà sư
đều phải cúi đầu kính cẩn vái
nhà sư bày tỏ lòng biết ơn. Xin
lưu ý rằng các nhà sư Khmer
không kiêng đồ mặn, chỉ kiêng
10 món nhà Phật quy định như:
thịt hổ, thịt gấu, thịt báo, thịt sư
tử, thịt chó nhà, thịt chó rừng,
thịt rắn, thịt voi, thịt ngựa và thịt
người. Những thức ăn mặn khác
năm ngoài 10 món kiêng nói
trên nhà sư cũng không tự ăn
được mà chỉ ăn khi được chúng
sinh dâng cho. Có nhà sư còn tự
kiêng không ăn một vài thứ.
Kiêng trứng vịt lộn bởi trứng vịt
lộn là một thứ bào thai. Kiêng
không ăn cua bởi quan niệm
rằng nhà sư chúc phúc cho dân
mà ăn món cua thì cua sinh sản
nhiều ảnh hưởng xấu đến mùa
màng. Cua tuy là món ăn rất
ngon, nhưng là loài sinh sản
nhanh, với đôi càng cứng như
sắt chúng thường cắt ngang gốc
lúa làm cây lúa không lớn lên
được. Ở đồng bằng sông Cửu
Long trước đây, người dân cũng
đã có biện pháp sinh hóa trộn
thuốc vào cơm nguội rồi rải ra
ruộng, loài cua ăn phải sẽ hạn
chế tốc độ sinh sản của loài
cua. Xin được nói thêm rằng
nhà sư đi khát thực không được
mang giày dép, không đội mũ
nón, trời mưa cũng không được
mặc áo mưa. Đây là quan niệm

khổ hạnh chia sẻ vật vả với
chúng sinh và cũng để trời đất
chúng giám cho. Nhà sư được
mang ô, nhưng là ô có màu
vàng là màu của nhà Phật cùng
màu với áo cà-sa. Ô màu khác
tuyệt đối không được sử dụng.
Nhà chùa qui định nhà sư không
được chạy tránh mưa. Gặp mưa
cũng chỉ được bước đi những
bước bình thường như khi trời
nắng. Nhà sư không được tự lái
một phương tiện giao thông nào
từ xe đạp trở lên. Muốn đi nhanh
nhà sư chỉ được nhờ người khác
chở đi mà thôi. Người chở nhà
sư trước đây không ai lấy tiền.
Ngày nay cũng có người lấy tiền
nhà sư nhưng cũng chỉ lấy một
chút xiu mang ý nghĩa tượng
trưng thôi.

Sau đây là các việc diễn ra
trong ngày của nhà sư:

Buổi sáng: (1) Thức dậy sau
tiếng keng, ăn mặc gọn gàng
lên làm lễ bái Tam Bảo ở Chính
Điện. Thời gian bái Tam Bảo
phải diễn ra trước lúc mặt trời
mọc; (2) Quét tước, làm vệ sinh
trong khuôn viên chùa; (3) Thọ
thực buổi sáng. Thức ăn thường
là cháo trắng với muối hoặc
nước mắm; (4) Học tập (học
kinh và học chữ có khi còn là
học nghề nữa).

Buổi trưa: (1) Khoảng 10h đi
khất thực ở các khu vực lân cận
theo một sự phân công chặt
chẽ. (2) Khoảng 11 giờ thì thọ
thực (ăn). Nhà chùa qui định
nếu quá 12h thì đói mấy cũng
không tiến hành thọ thực.

Buổi chiều: (1) Học tập;
(2) Trước khi mặt trời lặn làm lễ
cúng Tam Bảo. Theo phong
tục, các nhà sư không ăn bữa tối
nhưng có thể uống sữa và nước
ngọt.

Buổi tối: (1) Tự ôn bài hoặc
ngồi Thiền; (2) Nghỉ ngơi.

Trong nội dung học tập như
đã nói ở trên có các điều răn
của nhà Phật trong đó có 3 điều
răn người ta dùng *tham* (tham
lam), dùng *sân* (cáu giận) và

đùng *si* (mê muội). Tiếng Khmer gọi tên 3 điều răn ấy là: *lô-phạ, tô-sạ, mô-hạ*. Tham là cái xấu nhất là căn nguyên của mọi cái xấu. Trong kho tàng truyện cổ tích Khmer số lượng truyện phê phán lòng tham chiếm một tỉ lệ rất lớn. Truyện "*Con hoong vàng*" phê phán lòng tham khiến cho người ta thay đổi tâm tính, người hiền lành trở nên độc ác. Truyện "*Chàng trai và vườn dưa*" phê phán lòng tham khiến người ta trở nên ngu dại mà quên cả mạng sống của mình. Rất nhiều, rất nhiều những truyện cổ tích như thế.

Trong thời gian tu hành, các nhà sư có thể về thăm nhà nhưng không được ngủ lại. Các nhà sư khi ốm đau có thể về nhà điều trị nhưng phải có sự đồng ý của sư cả.

Cách xưng hô của các nhà sư với các người thân trong gia đình có nhiều nét đặc biệt. Các nhà sư không gọi cha mẹ là *púc me* (cha mẹ) mà gọi là *nhôm bô-rô, nhôm so-rây* (hai từ này là từ qui định của nhà chùa; từ điển Chuôn Nat chỉ giải thích là từ gọi cha mẹ của nhà sư mà thôi). Hai từ *nhôm bô-rô, nhôm so-rây* mãi mãi theo các nhà sư suốt đời kể cả khi họ đã hoàn tục không còn là sư nữa. Chính vì thế vào cộng đồng Khmer chỉ nghe một người gọi cha mẹ có thể biết người đó có đi tu hay không. Nhà sư không xưng *côn* (con), không xưng *kho-nhôm* (tôi) với cha mẹ mà xưng *a-thạ-ma* (bản thân hay bản tăng). Mọi người gọi các nhà sư là *looc*. Con đã làm sư thì cha mẹ cũng gọi con như vậy. Khi con không là sư nữa thì từ *looc* tự nhiên biến mất. Cha mẹ họ lại kêu họ là *côn* (con). Họ cũng xưng con với cha mẹ.

Nói về trang phục của các nhà sư. Về màu, nhà sư chỉ được dùng sử dụng hai màu: màu vàng và màu nâu sồng do nâu từ nhựa cây kho-nô (cây

mít) mà có được. Khi lao động trong chùa thì phía dưới quần nhẹ một miếng vải như sà-rông. Phía trên mặc một chiếc áo chéo hở vai bên phải, ở hông bên phải có một chiếc túi vải để đựng đồ lặt vặt. Bất chợt có khách nhà sư phải mặc thêm áo cà-sa ra ngoài. Khi thọ thực và lễ bái Tam bảo đều mặc áo cà-sa. Áo này là một tấm vải vàng quần kín phía bên trái thân, vai phải để trần. Nhưng khi vái Tam Bảo nhà sư còn thắt thêm một một băng vải màu vàng ở ngang ngực tượng trưng cho bản lĩnh của dân ông. Khi ra ngoài, nhà sư cũng mặc áo cà-sa nhưng trùm toàn thân kín mít một màu vàng.

Về ăn nói, nhà sư không được nói nhanh, cũng không được nói to, lời lẽ khiêm nhường, cấm ngặt nói tục, chửi thề. Nhà sư không bao giờ nói đùa. Khi tiếp các tín đồ Phật tử nhà sư không phải chấp tay như tín đồ Phật tử nhưng chân phải xếp lại hai bàn chân dề phía sau, hai tay dề trên đùi. Tổ sự đồng ý nhà sư không dùng từ vâng như *chas* (với giới nữ) và *bạt* (với giới nam) mà dùng từ *pô*. Từ này có gốc từ *ve-ras* (quí) trong tiếng Pa-li. Khi có điều không hài lòng nhà sư thường từ chối. Tuy nhiên khi gặp những điều oan uổng đối với bản thân họ vẫn thưa lại một cách từ tốn không phải nhẫn nhục, chấp nhận.

Ở chùa, với tư cách tăng ni, các nhà sư tham gia các hoạt động tín ngưỡng của cộng đồng dưới sự điều hành của vị sư cả như cúng ma, cầu siêu, chúc phúc, cúng cầu an, dạy học cho người mới tu và con em các gia đình trong phum.

Hoàn tục

Tu hành có hai bậc tính theo thời gian tu và tuổi đời của người tu hành. Bậc *Sa-di* (từ khoảng 16-20 tuổi) còn gọi là bậc đèn ơn cho mẹ; Bậc *Tỳ khu* (khoảng 21 tuổi trở lên) gọi là

bậc đèn ơn cho cha.

Phật giáo không qui định thời gian tu hành bao nhiêu. Hoàn tục là do tự nguyện, khi mà người tu hành cảm thấy hết duyên tu. Muốn hoàn tục, nhà sư phải xin phép sư cả và xin phép cả phật tử trong phum, sóc nữa. Sau khi được sự đồng ý thì các thủ tục mới được tiến hành.

Ngày hoàn tục được chọn vào những ngày lành tính theo tuổi của người hoàn tục và có thông báo với người thân. Trong lễ hoàn tục, nhà chùa cũng có hình thức biểu dương thành tích người tu hành. Có một chi tiết quan trọng trong chính điện bên mé hông tượng Phật có tấm màn che. Người hoàn tục đứng vào trong tấm màn cởi áo cà-sa thay áo người dân. Và khi bước ra khỏi tấm màn thì người tu hành như bước sang một thế giới khác không còn là người tu hành nữa. Chiếc áo cà-sa của người hoàn tục được tặng lại cho các sư đệ, sư huynh. Chiếc áo ấy nếu có mang về thì về lý do tín ngưỡng cũng không thể mặc được. Nếu vải áo còn tốt cũng không ai dám cắt ra để sử dụng lại.

Còn với nhà sư nào phạm vào một trong 4 tội sau đây gọi chung là *pa-ra-chúc* (trọng tội) sẽ bị buộc hoàn tục ngay mà không được tổ chức lễ lạt gì. Tội *pa-na* (giết người) là tội nặng nhất, sau đó là *a-tum-nia* (ăn trộm, ăn cắp), *mê-thun-nạ-thom* (hành dâm), *ôt-tạ-rê-mô-nú-sá-tho* (nói khoác rằng mình đã đắc đạo). Nhà sư tự cởi áo cà-sa. Nhà chùa cũng không lấy lại và cũng không ai dám nhận chiếc áo này bởi lẽ chiếc áo này đã bị hoen ố, sợ rằng ai mặc nó sẽ bị xui xẻo. Những người buộc phải hoàn tục trở về với đời thường dù giỏi giang đến mấy cũng không nhận được sự tin cậy của

● Xem tiếp trang 42 ●

Phong tục xuất gia...

cộng đồng. Họ thường mặc cảm với mọi người xung quanh, có người xấu hổ còn bỏ quê đi sống ở nơi khác.

Người mới hoàn tục theo đúng nghĩa quang minh chính đại được người trong gia đình và mọi người trong phum, so-rôc gọi là *on-tut* (trí thức). Nghiên cứu ngôn ngữ cho thấy từ *on-tut* bắt nguồn từ từ *bon-dut* (từ Pali) chỉ người uyên bác, đọc thiên kinh vạn quyển. Từ *bon-dut* khi thâm nhập vào cộng đồng Khmer đã có sự tiếp biến, dân gian hóa qua một từ trung gian là *bon-tut* và bây giờ nó tương đối ổn định với từ *on-tut* dùng để gọi người mới hoàn tục. Cả ba từ này từ nào cũng thể hiện thái độ trọng thị của người gọi và vị trí cao sang của người được gọi. Trong những người hoàn tục, có

người được gọi từ này suốt đời, có người thì được gọi đến lúc tóc xanh hoặc lúc có vợ. Việc được gọi là *on-tut* không chỉ là niềm vinh hạnh riêng với người đi tu mà còn là niềm vinh hạnh chung cho cả gia đình và dòng tộc.

Trong cộng đồng Khmer việc xuất gia, hoàn tục là một hiện tượng rất tự nhiên. Rất nhiều người hoàn tục với sự hiểu biết của mình tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội. Có người tiếp tục học trong các trường chuyên nghiệp, đại học trở thành những trí thức có trình độ cao. Từ trước đến nay, khi mà trong hệ thống giáo dục quốc dân chúng ta chưa có điều kiện đào tạo giáo viên có trình độ cao về tiếng Khmer thì nhà chùa đúng là nơi đào tạo rất có hiệu

quả.

Với những người Khmer hoàn tục, những năm tháng tu hành với họ là một kỉ niệm hết sức sâu đậm, quý giá. Hình như những năm tháng này đã tạo điều kiện giúp họ hình thành nhân cách tốt đẹp, cung cấp cho họ những kiến thức phổ thông đầu đời. Và một điều kì lạ là phần lớn những người hoàn tục do có một thời gian dài tu thân, thấm nhuần tư tưởng từ bi, hỉ xả (thương người như thể thương thân, quên mình một cách vui vẻ) của nhà Phật đã trở thành những người lành hiền, ôn hòa, không trục lợi, sẵn sàng hi sinh quyền lợi của mình cho đồng loại.

ĐÀO NAM SƠN -
THẠCH ĐỜI